

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Số: 10/2016/QĐ-UBND ngày 20/16

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 06 tháng 5 năm 2016

*Đã ký  
- cấp  
- XOM*

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v điều chỉnh mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị Quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 07/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về các loại Phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 178/TTr-STC ngày 04/4/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lào Cai quy định tại khoản 2, Điều 1 Quyết định số 81/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

“2. Mức thu phí: Theo phụ biểu chi tiết kèm theo Quyết định”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *ph*

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTtr: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh, Báo Lào Cai; Đài PT - TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, TM. *ph*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Xuân Phong**

**PHỤ BIỂU CHI TIẾT PHÍ VỆ SINH**

*(Kèm theo Quyết định số: 27 /2016/QĐ-UBND ngày 06/ 5/2016 của UBND tỉnh)*

Stt	Nội dung	Mức Thu	Ghi chú
1	Cá nhân, hộ gia đình không có hoạt động sản xuất, kinh doanh (kể cả các cán bộ, nhân viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị HCSN, trụ sở làm việc, văn phòng giao dịch, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức sản xuất kinh doanh)		
	a		
	Tại phường thuộc TP Lào Cai; Thị trấn Bắc Hà, thị trấn Sa Pa	10.000 đồng/người/tháng	
	Tại Thị trấn trung tâm các huyện Khu vực còn lại	8.000 đồng/người/tháng 5.000 đồng/người/tháng	
b	Cơ quan, đơn vị HCSN; trụ sở làm việc, văn phòng giao dịch, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức sản xuất, kinh doanh không có hoạt động sản xuất, kinh doanh (Căn cứ vào bảng lương, danh sách chi trả tiền công và mức thu tại quy định này, đơn vị sử dụng cán bộ, người lao động nộp)	5.000 đồng/người/tháng	
2	Ngoài mức nộp theo quy định tại điểm 1 nêu trên các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh còn phải nộp phí theo quy định sau		
	+ Hộ kinh doanh thương mại		
	Môn bài bậc 1	60.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 2	45.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 3	30.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 4 trở xuống	15.000 đồng/hộ/tháng	
	+ Các hộ sản xuất, chế biến, sửa chữa (không bao gồm các hộ gia đình, cá nhân kinh doanh sửa chữa ô tô, xe máy) và kinh doanh dịch vụ khác		
	Môn bài bậc 1	180.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 2	150.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 3	120.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 4 trở xuống	90.000 đồng/hộ/tháng	
	+ Hộ hoạt động kinh doanh hàng ăn, uống		
	Môn bài bậc 1	420.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 2	300.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 3	210.000 đồng/hộ/tháng	
	Môn bài bậc 4 trở xuống	120.000 đồng/hộ/tháng	
	+Các tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ		
- Đối với nhà hàng, trung tâm thương mại, siêu thị, nhà máy, bến bãi	500.000 đồng/cơ sở/tháng		

	- Cửa hàng, cơ sở SX, KD, nhà máy, kho bãi (không bao gồm các cơ sở sửa chữa ô tô, xe máy)	400.000 đồng/cơ sở/tháng	
	- Đối với phòng nghỉ (bao gồm cả các cá nhân, hộ gia đình có kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ).	20.000 đồng/phòng/tháng	
	- Đối với bệnh viện, cơ sở y tế (Do các Bệnh viện, cơ sở y tế nộp ngoài số nộp theo cán bộ, nhân viên đã nộp theo quy định nêu trên)	10.000 đồng/giường/tháng	
	- Đối với các trường học, cơ sở đào tạo (Do các Trường học, cơ sở đào tạo nộp ngoài số nộp theo cán bộ, giáo viên, nhân viên đã nộp theo quy định nêu trên)	5.000đồng/học sinh /năm	
3	Đối với các khu vực đền, chùa, nhà ga, bến xe; khu vui chơi giải trí, các khu vực công cộng khác (như các điểm du lịch, khu du lịch...)		
	- Đối với các khu vực nhà ga, bến xe; khu vui chơi giải trí, các khu vực công cộng khác (như các điểm du lịch, khu du lịch...) và các khu vực đền, chùa được xếp hạng là Di tích cấp Quốc gia	600.000 đồng/cơ sở/tháng	
	- Đối với các khu vực đền, chùa được xếp hạng là Di tích cấp tỉnh	360.000 đồng/cơ sở/tháng	
	- Đối với các khu vực đền, chùa khác	240.000 đồng/cơ sở/tháng	
4	Các loại rác thải khác như: Rác thải do các công trình xây dựng, rác tại các chợ, rác thải nguy hại... cần phải xử lý theo quy trình nghiêm ngặt từ khâu thu gom đến vận chuyển, xử lý (gồm cả chất thải do các cơ sở, hộ gia đình sửa chữa ô tô xe máy)		
	- Rác thải do các công trình xây dựng, do các chợ	240.000 đồng/m <sup>3</sup> rác	
	- Rác thải nguy hại	360.000 đồng/m <sup>3</sup> rác	
	- Đối với các trường hợp không xác định được khối lượng rác thải thì thu theo mức khoán như sau:		
	+ Đối với tổ chức	1.450.000 đồng/cơ sở/tháng	
	+ Đối với cá nhân, hộ gia đình	600.000 đồng/hộ hoặc cá nhân/tháng	